

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển  
giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**


**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 4 năm 2024. /

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Phương Thị Thanh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đã được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập; trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập; trường mầm non, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập).

2. Trẻ em đang theo học và giáo viên mầm non đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện chính sách.

#### Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng nội dung, đúng đối tượng.

2. Các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện chính sách hỗ trợ nào thì được hưởng hỗ trợ chính sách đó theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập được hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hưởng thụ.

#### Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## Chương II

### MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

#### Mục 1

### CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRẺ EM HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

#### Điều 5. Đối tượng hưởng chính sách

1. Trẻ em (*trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo*) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Trẻ nhà trẻ đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập bảo đảm một trong những điều kiện sau:

a) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

b) Không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con của người có công với cách mạng khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (*nếu có*).

d) Là trẻ khuyết tật học hòa nhập.

đ) Có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng là công nhân, người lao động đang làm việc tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

#### **Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và trẻ nhà trẻ thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định này: 200.000 đồng/trẻ/tháng.

2. Trẻ nhà trẻ thuộc một trong các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 5 Quy định này: 300.000 đồng/trẻ/tháng.

3. Trường hợp một trẻ nhà trẻ thuộc nhiều đối tượng nêu trên thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

#### **Điều 7. Thời gian hỗ trợ**

Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế trong quy định tại khung kế hoạch thời gian năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

#### **Điều 8. Hồ sơ, trình tự, phương thức thực hiện**

1. Đối với trẻ em thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 5 Quy định này: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với trẻ nhà trẻ thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 5 Quy định này:

a) Hồ sơ:

- Đối với trẻ thuộc đối tượng tại điểm a: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

- Đối với trẻ thuộc đối tượng tại điểm b, có một trong số các loại giấy tờ sau:
    - + Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
    - + Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.
    - + Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.
  - Đối với trẻ thuộc đối tượng tại điểm c: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và bản sao giấy khai sinh hợp lệ của trẻ em theo quy định của pháp luật.
  - Đối với trẻ thuộc đối tượng tại điểm d: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
  - Đối với trẻ thuộc đối tượng tại điểm đ: Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ nhà trẻ là con công nhân, người lao động tại cụm công nghiệp có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đang công tác và bản sao giấy khai sinh hợp lệ theo quy định của pháp luật.
- b) Trình tự, thời gian và phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong năm học, nếu có phát sinh trẻ em thuộc đối tượng hưởng chính sách thì cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nộp hồ sơ đề nghị theo quy định. Trình tự thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

## **Mục 2**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP MUA SẴM ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU**

#### **Điều 9. Đối tượng hưởng chính sách**

1. Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ theo số nhóm trẻ nhà trẻ, lớp mẫu giáo.
2. Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chỉ hỗ trợ đối với nhóm trẻ nhà trẻ.

### **Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có 01 đến 02 nhóm, lớp: 20.000.000 đồng/cơ sở.
2. Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có từ 03 nhóm, lớp trở lên: 10.000.000 đồng/1 nhóm, lớp.
3. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập được hỗ trợ một lần kinh phí để mua sắm đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

### **Điều 11. Điều kiện hỗ trợ**

1. Số trẻ được tổ chức thành các nhóm, lớp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Đối với nhóm trẻ độc lập phải có quy mô trên 07 trẻ.

### **Điều 12. Hồ sơ, trình tự, phương thức thực hiện**

1. Hồ sơ
  - a) Văn bản đề nghị của cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.
  - b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

#### **2. Trình tự và thời gian thực hiện**

Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học và đồ chơi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế. Trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo tới cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc từ khi nhận được văn bản đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm xem xét phê duyệt.

3. Phương thức thực hiện: Thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

### **Mục 3**

## **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO GIÁO VIÊN TRỰC TIẾP CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ**

### **Điều 13. Đối tượng hưởng chính sách**

1. Giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp được quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2. Giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

**Điều 14. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Mỗi giáo viên được hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng.
2. Số lượng giáo viên được hỗ trợ: Tối đa 02 giáo viên trên một nhóm/lớp.

**Điều 15. Thời gian hỗ trợ**

1. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 13 Quy định này: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2000/NĐ-CP.

2. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 13 Quy định này: Tính theo số tháng dạy thực tế, mỗi giáo viên được hưởng tối đa 60 tháng. Thời gian hỗ trợ được cộng dồn nếu giáo viên chuyển công tác sang cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập khác trên địa bàn tỉnh hoặc có thời gian đứt quãng khi không tham gia dạy học tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

**Điều 16. Điều kiện hỗ trợ**

1. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 13 Quy định này: Phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 13 Quy định này: Phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- a) Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định.
- b) Có hợp đồng lao động với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập và được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.
- c) Giảng dạy nhóm, lớp có số trẻ được tổ chức thành các nhóm, lớp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối với giáo viên dạy nhóm trẻ độc lập thì nhóm trẻ phải có quy mô trên 07 trẻ.

**Điều 17. Hồ sơ, trình tự, phương thức thực hiện**

1. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 13 Quy định này: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2. Đối với giáo viên mầm non thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 13 Quy định này:

a) Hồ sơ

- Danh sách giáo viên được hưởng chính sách.
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động giữa giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Bảng lương hằng tháng của giáo viên.

b) Trình tự, phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong năm học, nếu có phát sinh giáo viên thuộc đối tượng hưởng chính sách thì cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định. Trình tự thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ và hàng năm cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 19.** Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.